

REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2009/06/15			K.Shimegi	Y.Takahashi	0.0000	±0.002	0.000 +0	+0
△a	2009/03/05	材料歩留率向上の為、ラック径を修正します。修正SNO変更。	YDM-XLB-1203-001	Peng Wei Chun	Tseng Chung Hsi	0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005
△						0.00	±0.01	0.00 +0	+0
△						0.0	±0.1	0.00 -0	+0.01
△						0.	±0.2	0.0 +0	+0
								0.0 -0	+0.1

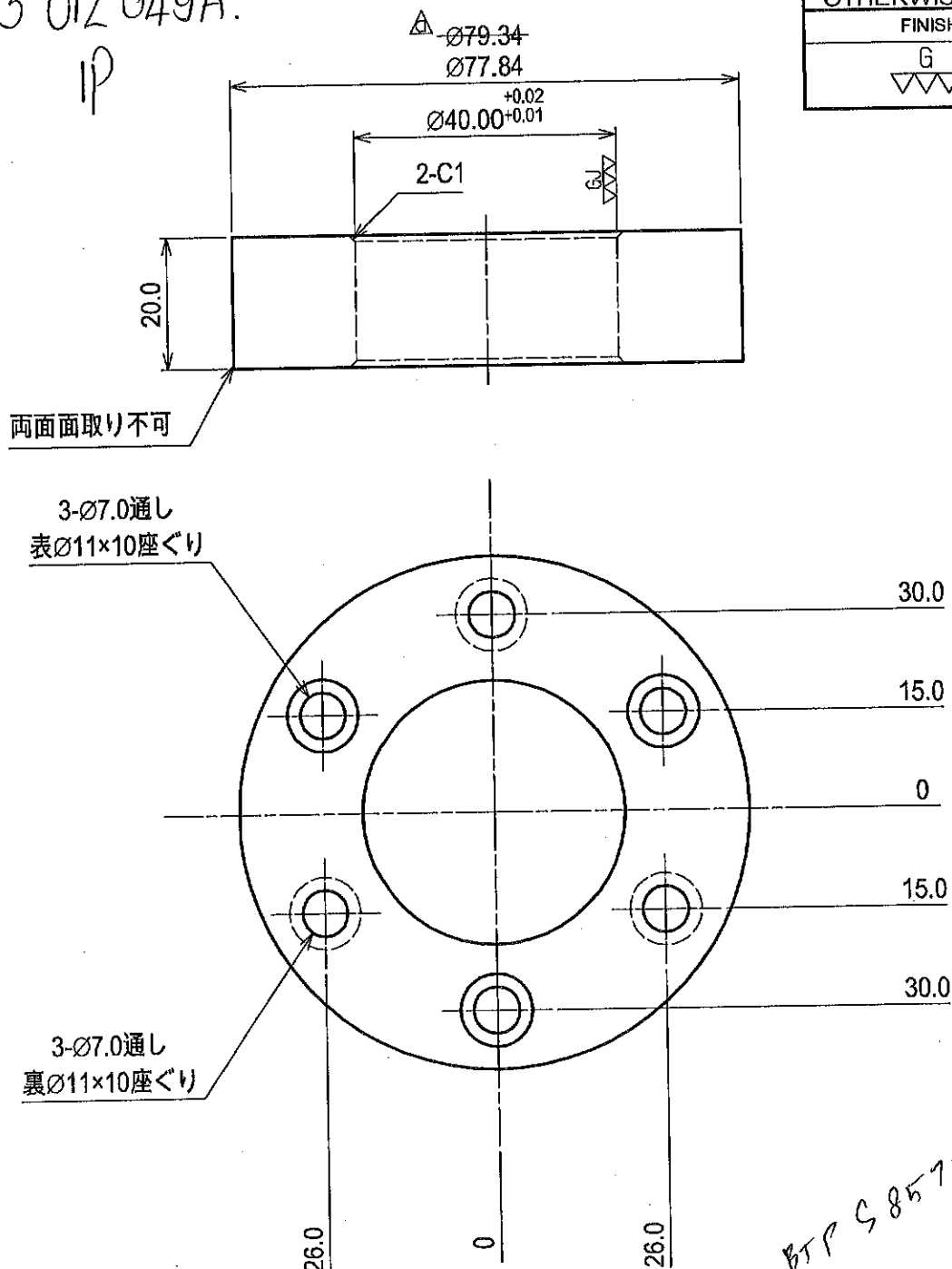
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED

FINISH MARKS

G GJ
▽▽▽ (▽▽▽)

213 012 049A.

IP



BTP S857331 (TRIP)

DWN.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME	
K.Shimegi	Y.Takahashi	部品図		上型刃物	
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		UPPER-DIE SET EDGED TOOL	
HRC		部品図		上模刀具	
		部品図		上模刀具	
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.	
WC(D30/HIP)	2009/06/15	1:1		S857331	

bTP S857331

MABUCHI MOTOR CO., LTD.

414.012 0259

SNO: **S857331**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S857331	